

Bản án số: 46/2021/DS-ST

Ngày 30-9-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Đồng Văn Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Không

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2021/QĐST-DS giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T3, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

HKTT: Thôn T6, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Thôn MH, xã T3, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi ở hiện nay: Thôn MH, xã T3, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện các bản T6 khai tiếp theo nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày: Anh với anh Phạm Văn T có quan hệ là chú cháu. Anh có cho anh T vay tiền nhiều lần vào tháng 9/2019 anh có cho anh Phạm Văn T vay 17.000.000 đồng và lần hai ngày 11/9/2019 anh T vay tiếp 10.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên không viết giấy tờ biên nhận, anh H có cho T nợ tiền cước xe chở thuê là 4.400.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh T nợ anh là 31.400.000 đồng. Sau khi cho

anh T vay tiền xong chị Bùi Thị H1 vợ anh T có trả cho anh được 8.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại tiền gốc là 23.400.000 đồng anh T có ký vào sổ nhận nợ của gia đình anh. Hai bên thống nhất thỏa thuận bằng miệng cuối năm 2019 anh T, chị H1 sẽ trả anh hết số tiền còn nợ trên. Đến hạn thanh toán anh có đòi nhiều lần anh T, chị H1 không trả anh được đồng nào tiền gốc, lãi. Nay anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn T và vợ là chị Bùi Thị H1 phải trả anh số tiền gốc còn nợ là 23.400.000 đồng. Tiền lãi anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay Bùi Văn H có đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên và xin xét xử vắng mặt.

**Tại bản T6 khai bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:* Vợ chồng anh với anh Bùi Văn H có quan hệ chú cháu. Tháng 9/2019 vợ chồng anh có vay của anh Bùi Văn H nhiều lần tiền và có nợ tiền anh H chờ Hng như anh H đã trình bày là đúng. Hiện nay vợ chồng anh còn nợ anh Bùi Văn H số tiền gốc là 23.400.000 đồng. Nay anh Bùi Văn H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh có trách nhiệm thanh toán trả anh H số tiền gốc còn nợ trên, anh đồng ý trả anh H số tiền trên, nhưng xin trả làm nhiều lần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền gốc đến khi hết số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn T vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H1* đã được Tòa án giao và tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho người thân nhận thay theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị Bùi Thị H1 không đến Tòa án làm việc từ chối khai báo.

Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị H1 vắng mặt lần hai không có lý do.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện LG không tiến hành phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Ngày 17/6/2021, Tòa án nhân dân huyện LG thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của anh Bùi Văn H với anh Phạm Văn T là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần hai tại phiên tòa. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Bùi Văn H và quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận vào tháng 9/2019 anh Bùi Văn H có cho

anh Phạm Văn T vay tiền nhiều lần, khi cho vay không viết giấy tờ khi cho vay hai bên thỏa thuận lãi suất miệng. Hai bên có chốt sổ anh Phạm Văn T có ký vào sổ ghi chép theo dõi của gia đình anh H số tiền gốc còn nợ là 23.400.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng cuối năm 2019 gia đình anh T sẽ trả anh H số tiền gốc còn nợ trên. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] *Về nội dung:* Tháng 9/2019 anh Bùi Văn H và anh Phạm Văn T đã xác lập hợp đồng vay tài sản chốt sổ tiền gốc anh Phạm Văn T còn nợ anh Bùi Văn H là 23.400.000 đồng. Giao dịch dân sự giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 116 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi tham gia giao dịch dân sự anh H cũng như anh T đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ khi chốt sổ nợ trên anh Phạm Văn T chưa trả cho anh Bùi Văn H đồng nào tiền gốc, lãi. Nay anh H yêu cầu anh T, chị H1 cùng có trách nhiệm trả cho anh H số tiền gốc còn nợ là 23.400.000 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu trên của anh Bùi Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Về tiền lãi: Anh Bùi Văn H không yêu cầu về tiền lãi nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về trách nhiệm trả tiền:* Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn H yêu cầu vợ chồng anh T, chị H1 phải có trách nhiệm liên đới trả tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, trong sổ nhận nợ chỉ có anh T ký nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T xác nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, phía chị H1 biết việc vay mượn tiền và đã có lần đứng ra trả tiền cho anh H nên cần buộc anh T, chị H1 phải có trách nhiệm liên đới trả anh Bùi Văn H số tiền gốc còn nợ là 23.400.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Phạm Văn T, chị Bùi Thị H1 phải chịu 1.170.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Bùi Văn H 585.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012278 ngày 17/6/2021 tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện LG.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466; Điều 469; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H.

Buộc anh Phạm Văn T, chị Bùi Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Bùi Văn H số tiền nợ gốc là 23.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hình án có quyền chủ động ra quyết định thi Hình án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn T, chị Bùi Thị H1 phải chịu 1.170.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Bùi Văn H 585.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012278 ngày 17/6/2021 tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện LG.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, T6 nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi Hình án dân sự. Thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Hoa

